

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS - ST

Ngày: 30 - 11 - 2019

V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Kiều Thị Ninh**

Bà **Nguyễn Thị Chiêu**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Khuất Tiến Phúc** -Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX- ST ngày 12 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-DS ngày 22/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tiến Th**, sinh năm 1953; có mặt

Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1957; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H)**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Lô 36 Liền Kề 13 khu đấu giá Mậu Lương, phường Kiến Hưng, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Ông **Nguyễn Tiến S**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; có mặt

+ Ông **Nguyễn Tiến V** sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Cụm 6, xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Nội 1, xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

+ Anh Nguyễn Tiến H4, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Nội 1 xã TT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Bà T, bà X, bà H1 ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Th; Theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Th trình bày: Bố ông là Nguyễn Tiến Đ(chết năm 1996), mẹ ông là Trịnh Thị Th (chết năm 2012). Bố mẹ ông sinh được 08 người con gồm:

1/Ông Nguyễn Tiến Th. sinh năm 1953

2/Ông Nguyễn Tiến H (chết năm 2009) có vợ là bà Dương Thị L, vợ chồng ông H5, bà L có 03 người con gồm: Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H3 và Nguyễn Tiến H4

3/ Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1959

4/ Ông Nguyễn Tiến V sinh năm 1961

5/ Bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1963

6/ Bà Nguyễn Thị X sinh năm 1967

7/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971

8 / Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1974.

Tài sản của bố mẹ ông để lại ngoài đất ở đã được chia cho các con, còn có đất nông nghiệp ở tại xứ đồng Khô Gò thuộc xã TT, huyện PT, hiện nay do bà Dương Thị L đang quản lý sử dụng. Nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp này là tiêu chuẩn của mẹ ông được UBND xã TT, huyện PT cấp 479,5m² và tiêu chuẩn của bà Nguyễn Thị G được cấp

479,5m². (Bà G là chị Gruột của bố ông, do không có chồng, con nên sống chung cùng bố mẹ ông từ nhỏ). Hiện nay bà G chỉ còn một người em ruột là Nguyễn Thị Ch và bà Ch đã giao bằng miệng cho mẹ ông sử dụng diện tích đất của bà G.

Bố ông đi thoát ly nên không được giao đất nông nghiệp. Năm 1996 bố ông chết, năm 1997 bà G chết. Sau đó, mẹ ông thấy hoàn cảnh của vợ chồng ông H5, bà L khó khăn nên mẹ ông đã họp gia đình và cả gia đình thống nhất để mẹ ông sống chung cùng vợ chồng ông H5, bà L để tiện việc trông nhà và giúp đỡ cho gia đình ông H5. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của mẹ ông và bà G tạm giao cho ông H5, bà L quản lý và sử dụng. Trong thời gian mẹ ông sống chung cùng bà L, mẹ ông bị ốm do bị tai biến nên phải điều trị một thời gian dài đến năm 2012 thì mẹ ông chết. Thời gian mẹ ông ốm việc trông nom chăm sóc đều do các anh chị em ông cùng có trách nhiệm, nhưng chủ yếu do bà L vì thời gian này mẹ ông sống chung cùng bà L. Trước khi bố mẹ ông và bà G chết đều không để lại di chúc.

Ông công nhận năm 2006 thực hiện dự án kênh A nên hộ gia đình bà L bị thu hồi diện tích đất nông nghiệp. Năm 2011 tiếp tục thực hiện dự án đường Hai Bà Trưng và gia đình bà L cũng bị thu hồi diện tích đất nông nghiệp. Cả hai lần bị thu hồi đất đều được Nhà nước bồi thường bằng tiền, nhưng ông không có ý kiến đề nghị giải quyết gì về số tiền đã được đền bù.

Việc cấp đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn và theo hộ gia đình nên không xác định được vị trí tiêu chuẩn đất của từng người nên toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình bà L được cấp nằm rải rác ở các xứ đồng khác nhau. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết chia đất nông nghiệp của mẹ ông tại xứ đồng Khổ Gò, thuộc xã TT, huyện PT. Sau khi trừ đi diện tích đất bị thu hồi theo địa phương xã TT cung cấp thì tiêu chuẩn diện tích đất nông nghiệp của mẹ ông còn 479,5m². Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác. Hiện nay bà L đang trồng cây ăn quả trên đất này nên ông đề nghị bà L phải tự di dời cây trên phần đất mà ông được chia.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Dương Thị L trình bày:* Về quan hệ huyết thống như ông Th trình bày là đúng. Chồng bà là Nguyễn

Tiến H5 (chết năm 2009). Vợ chồng bà sinh được 3 người con là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982, Nguyễn Thị H3, sinh năm 1984 và Nguyễn Tiến H4, sinh năm 1989.

Nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp hiện nay bà đang sử dụng mà ông Th yêu cầu chia thừa kế là của cụ Trịnh Thị Thu và cụ Nguyễn Thị G, được UBND xã TT chia theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp, mỗi nhân khẩu được 599m². Sau khi bố chồng bà là cụ Đ chết và cụ G (là chị ruột của cụ Đ) chết thì cụ Thu về sống chung cùng vợ chồng bà đến năm 2012 thì cụ Thu chết. Trước khi cụ Thu chết, cụ bị ốm do bị tai biến (nằm liệt giường) nhưng thời gian đầu cụ vẫn minh mẫn nên cụ nói: “*đất ruộng của cụ chobà L làm để nuôi thằng H4 vì bố nó chết rồi*”. Cụ Thu chỉ nói vậy chứ không có văn bản giấy tờ gì. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của cụ Thu và cụ G do bà sử dụng nên ngày 28/11/2000 gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Tại thời điểm gia đình bà được cấp đất nông nghiệp thì theo tiêu chuẩn mỗi nhân khẩu được 599m². Gia đình bà được chia 07 khẩu gồm: Vợ chồng bà, 3 người con là H2, H4, H3 và cụ Thu, cụ G. Ngoài ra, gia đình bà còn được cấp đất 10% (đất rau) mỗi nhân khẩu được 72m². Riêng cụ Thu và cụ G không được cấp đất 10%. Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp mà gia đình bà được cấp là 4.338,5m² đứng tên chủ sử dụng đất là hộ bà Dương Thị L.

Năm 2006 thực hiện dự án kênh A nên hộ gia đình bà bị thu hồi diện tích đất nông nghiệp. Đến năm 2011 tiếp tục thực hiện dự án đường Hai Bà Trưng và gia đình bà cũng bị thu hồi diện tích đất nông nghiệp. Hai lần bị thu hồi diện tích đất bao nhiêu bà không nhớ và cả hai lần bị thu hồi đất đều được bồi thường bằng tiền, số tiền này cụ Thu đã chia cho các con của cụ. Đến nay, bà cũng không có ý kiến gì về số tiền này.

Như vậy, hiện nay tổng diện tích đất nông nghiệp của gia đình bà sau khi bị thu hồi và dồn điền đổi thửa còn lại bao nhiêu bà không biết vì gia đình bà chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đất đang có tranh chấp. Thực tế, hiện nay bà đang sử dụng đất nông nghiệp tại xứ đồng Khổ Gò, xứ đồng Thượng Nam và xứ đồng Trạm Bom. Bà không nhớ diện tích đất của mỗi xứ đồng nhưng tại xứ đồng Khổ Gò có

diện tích đất nhiều nhất và hiện nay bà đang trồng cây ăn quả, còn đất tại xứ đồng Thượng Nam bà đang trồng lúa, xứ đồng Trạm Bom bà trồng cây.

Nay ông Th yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Thu là 479,5m² đất nông nghiệp và chia cho 05 người con trai, bà không đồng ý. Trường hợp nếu phải chia thì bà chỉ đồng ý chia tiêu chuẩn đất của cụ Thu và đề nghị chia cả 3 xứ đồng gồm Khô Gò, Thượng Nam và Trạm Bom.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến S, ông Nguyễn Tiến V đều trình bày: Về quan hệ huyết thống cũng như nguồn gốc đất nông nghiệp như ông Th trình bày là đúng. Các ông nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ Thu là 479,5m². Đối với diện tích đất bị thu hồi và số tiền được đền bù, các ông không yêu cầu giải quyết. Phần của các ông được chia thì các ông đề nghị được lấy bằng đất, ngoài ra các ông không yêu cầu giải quyết gì khác.

+ Bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị H1 đều trình bày: Về quan hệ huyết thống cũng như về nguồn gốc đất nông nghiệp của mẹ các bà là cụ Trịnh Thị Thu như ông Th trình bày là đúng. Các bà đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế tài sản của cụ Thu theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế được hưởng các bà không nhận nên đề nghị chia cho 5 người con trai là ông Th, ông H, ông S, ông V và ông H5.

+ Chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Tiến H4 đều trình bày: Bố chúng tôi là Nguyễn Tiến H5 (chết năm 2009), mẹ là Dương Thị L. Thời gian ông bà nội và chị G của ông nội chúng tôi còn sống thì bố mẹ chúng tôi vẫn làm ruộng cho ông bà để lấy lương thực sinh sống. Đến thời gian Nhà nước có chính sách dồn lại đất ruộng và được ông bà chuyển khẩu đất ruộng sang tên cho bố mẹ chúng tôi. Sau khi bố tôi chết thì mẹ tôi vẫn làm và sử dụng đất đó để nuôi bà nội và nuôi chúng tôi ăn học. Vì vậy, bà nội chúng tôi đã cho mẹ tôi đất nông nghiệp nên quyền sử dụng đất đó thuộc về mẹ tôi nên chúng tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện PT cùng đại diện UBND xã TT đối với các ông Nguyễn Tiến Th, Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H),

Nguyễn Tiến V và Nguyễn Tiến S tại trụ sở UBND xã TT, huyện PT. Ông Th, ông H, ông V và ông S đều trình bày: Thực tế, theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Trịnh Thị Thu được chia 549,5m² đất. Tuy nhiên, thời gian bị thu hồi đất để thực hiện 02 dự án của UBND huyện PT thì diện tích đất của cụ Thu chỉ còn 479,5m² ở tại xứ đồng Khô Gò và xứ đồng Vòng Tứ (đất mạ ở gần xứ đồng Thượng Nam), trong đó có 39m² đất tại xứ đồng Vòng Tứ còn lại 440,5m² đất ở xứ đồng Khô Gò thuộc xã TT, huyện PT. Các ông đều thống nhất không yêu cầu chia 39m² đất tại xứ đồng Vòng Tứ nên trừ bỏ diện tích đất này, còn bao nhiêu thì chia. Cụ thể: 479,5m² - 39m² = 440,5m² chia cho 05 người và đề nghị được chia đất để sử dụng. Phần đất của các ông được chia có cây cối của bà L thì đề nghị bà L tự di dời.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tiến Th trình bày: Tại đơn khởi kiện cũng như tại các bản tự khai của ông và trong quá trình làm việc tại Tòa án ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản là đất nông nghiệp của bố mẹ ông và của bà Nguyễn Thị G. Đến nay, ông nhận thấy bố ông không được chia đất nông nghiệp nên không có đất, còn phần đất nông nghiệp của bà G ông không có quyền yêu cầu. Vì vậy, ông chỉ yêu cầu chia tài sản là đất nông nghiệp của mẹ ông như ý kiến của ông tại buổi làm việc ngày 11/11/2019 tại trụ sở UBND xã TT, huyện PT, cụ thể ông yêu cầu chia 440,5m² đất tại xứ đồng Khô Gò. Ngoài ra, không ai có yêu cầu giải quyết gì khác.

Ông Nguyễn Tiến H và ông Nguyễn Tiến S tại phiên tòa nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Tiến Th. Đề nghị được chia di sản thừa kế của cụ Thu là 440,5m² đất tại xứ đồng Khô Gò.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung, đề nghị áp dụng Điều 612, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Thu là $440,5m^2$ nằm trong tổng diện tích $3.229,3m^2$ của hộ gia đình bà Dương Thị L tại thửa số 40, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, có trị giá 59.467.500đ. Trích công sức cho bà Dương Thị L là $40,5m^2$ đất x $135.000đ/m^2 = 5.468.000đ$.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thu gồm: Ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H), ông Nguyễn Tiến S, ông Nguyễn Tiến V và Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị H1.

Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Tiến H5 gồm: Chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Tiến H4

Chấp nhận sự tự nguyện của bà T và X và H1 không nhận phần thừa kế được hưởng. Chia thừa kế theo pháp luật diện tích $400m^2$ đất của cụ Trịnh Thị Thu cho 5 phần = $80m^2/1$ kỳ phần. Ông Th, ông H, ông V, ông S và thừa kế thế vị của ông H5, mỗi kỳ phần được hưởng $80m^2 \times 135.000đ/1m^2 = 10.800.000đ$.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Th, ông H và bà L. Ông S, ông V và thừa kế thế vị của ông H5 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Dương Thị L có nơi cư trú và tài sản tranh chấp ở tại xã TT, huyện PT, nên Tòa án nhân dân huyện PT có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Tiến Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cụ Trịnh Thị Thu. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp chia thừa kế tài sản, theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện PT đã thực hiện trình tự tố tụng, giao các văn bản hợp lệ cho bị đơn là bà Dương Thị L và những người thừa kế thế vị là chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Tiến H4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Ông Nguyễn Tiến V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng cụ Nguyễn Tiến Đ và cụ Trịnh Thị Thu, sinh được 08

người con gồm: Ông Nguyễn Tiến Th, Ông Nguyễn Tiến H5, Ông Nguyễn Thê H (Nguyễn Tiến H), Ông Nguyễn Tiến V, Bà Nguyễn Thị T1, Bà Nguyễn Thị X; Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Tiến S. Ông Nguyễn Tiến H5 (chết năm 2009) có vợ là bà Dương Thị L. Vợ chồng ông H5, bà L sinh được 03 người con gồm: Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H3 và Nguyễn Tiến H4.

Về nguồn gốc đất nông nghiệp, qua xác minh tại UBND xã TT, huyện PT, căn cứ vào sổ địa chính của UBND xã xác định: Nguồn gốc đất nông nghiệp của gia đình bà Dương Thị L được cấp theo Nghị định số 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993, tổng diện tích là 4.338,5m² gồm 07 thửa:

- + Thửa số 64- 4, tờ bản đồ số 270B, diện tích 273m² tại xứ đồng Tăng Sản Trong.
- + Thửa số 16- 3, tờ bản đồ số 270B, diện tích 1.162m² tại xứ đồng Bầu.
- + Thửa số 45- 35, tờ bản đồ số 270B, diện tích 273m² tại xứ đồng Vòng Tứ.
- + Thửa số 48- 26, tờ bản đồ số 270B, diện tích 280m² tại xứ đồng Vòng Tứ.
- + Thửa số 25- 16, tờ bản đồ số 271A, diện tích 789m² tại xứ đồng Sóng Châu.
- + Thửa số 22- 17, tờ bản đồ số 271A, diện tích 557m² tại xứ đồng Khổ Gò.
- + Thửa số 21- 96, tờ bản đồ số 270 D, diện tích 437,5m² tại xứ đồng Rạch Tú.

Toàn bộ diện tích đất nêu trên đã được UBND huyện PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/11/2000 đứng tên hộ bà Dương Thị L. Thời hạn sử dụng từ năm 2000 đến năm 2013.

Tại thời điểm hộ gia đình bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình bà L gồm có 07 người là cụ Thu, cụ G, ông H5, bà L, chị H2, chị H3 và anh H4 Theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp thì mỗi nhân khẩu được chia 549,5m². Đối với đất 10% (đất rau) thì mỗi nhân khẩu được chia 72m². Tuy nhiên, cụ G và cụ Thu không được chia đất 10%. Như vậy, theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Trịnh Thị Thu được chia là 549,5m², của cụ Nguyễn Thị G là 549,5m². Đối với cụ Nguyễn Tiến Đ không được chia đất nông nghiệp, lý do cụ Đ đi thoát ly.

Năm 2006, thực hiện dự án kênh A nên hộ bà L bị thu hồi 437,5m² tại số thửa 21- 96 tờ bản đồ số 270D tại xứ đồng Rạch Tú. Năm 2011, thực hiện dự án đường Hai Bà

Trung nên hộ bà L bị thu hồi 38,7m² tại số thửa 48 - 26 tờ bản đồ số 270B tại xứ đồng Vòng Tứ. Việc thu hồi đất được đền bù theo quy định. Như vậy, tổng diện tích đất của hộ bà Dương Thị L bị thu hồi là 476,2m².

Năm 2005, thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, hộ gia đình bà L đã tự nguyện nhận đất về xứ đồng Khỏ Gò, xã TT. Vì vậy, căn cứ theo phương án dồn điền đổi thửa của thôn Nội 1, xã TT đã giao đất nông nghiệp cho hộ bà Dương Thị L diện tích 3.229.3m² tại thửa số 40, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khỏ Gò, xã TT, huyện PT. Lý do, diện tích đất của hộ gia đình bà L chỉ còn 3.229.3m² là vì 2 đợt bị thu hồi tổng diện tích đất là 476,2m² và bà L chuyển cho ông Nguyễn Tiến V (em trai ruột của ông H5).

Các đương sự đều xác định, thời gian cụ G còn sống, do cụ không có chồng, con nên cụ sống chung cùng vợ chồng cụ Đ, cụ Thu. Vì vậy, thời gian hộ bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả tiêu chuẩn ruộng của cụ G và cụ Thu, đồng thời bà L sử dụng và đóng thuế đất từ đó đến nay. Đối với cụ Đ không được chia đất nông nghiệp.

Tại đơn đề nghị ngày 12/4/2019 của bà Nguyễn Thị Chuyên gửi UBND xã TT có nội dung: Chị G bà là Nguyễn Thị G (chết năm 1997), khi còn sống thì ở cùng anh trai là Nguyễn Tiến Đ và chị dâu là Trịnh Thị Thu. Bà có diện tích đất nông nghiệp hiện nay do bà L đang sử dụng. Vì vậy, bà đề nghị UBND xã TT giải quyết cho bà được hưởng thừa kế đất đó. Tại bản tự khai ngày 10/6/2019, bà Chuyên khai: Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của bà G mà bà được hưởng thì bà cho các cháu là con ông Nguyễn Tiến Đ.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Tiến V và ông Nguyễn Tiến S xác nhận cụ Nguyễn Tiến Đ không có di sản thừa kế là đất nông nghiệp và không yêu cầu chia diện tích đất của cụ Nguyễn Thị G. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp bà Chuyên có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

Xét yêu cầu của bà Dương Thị L không đồng ý chia di sản là đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Thị Thu vì cụ Thu nói: *“Đất ruộng của cụ cho bà L làm để nuôi thành H5 vì*

bố nó chết rồi”. Hội đồng xét xử thấy: bà L cho rằng cụ Thu cho bà đất ruộng của cụ, nhưng không có tài liệu nào chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Trước khi cụ Thu chết, các đương sự đều công nhận cụ không có di chúc nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Th chia thừa kế theo pháp luật.

Về việc bà L khai ngoài đất ở xứ đồng Khổ Gò, gia đình bà có đất tại xứ đồng Thượng Nam và xứ đồng Trạm Bơm nên bà đề nghị nếu phải chia đất thì chia ở cả 3 xứ đồng này. Theo xác minh tại UBND xã TT thì ngoài đất ở xứ đồng Khổ Gò, gia đình bà L còn 273m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Vòng Tứ (đất mạ) không phải xứ đồng Thượng Nam như bà L khai. Diện tích đất này không nằm trong diện dồn điền đổi thửa nên giữ nguyên tại xứ đồng Vòng Tứ và theo quy định của địa phương thì mỗi nhân khẩu được chia 39m² đất tại xứ đồng này để sử dụng làm đất gieo mạ nên tại xứ đồng Vòng Tứ có có tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Thu là 39m². Như vậy, gia đình bà L chỉ có đất ở xứ đồng Khổ Gò và xứ đồng Vòng Tứ. Ngoài ra, gia đình bà L không còn đất ở xứ đồng nào khác. Vì vậy, không có căn cứ để xác định gia đình bà L có đất ở xứ đồng Thượng Nam và xứ đồng Trạm Bơm.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định diện tích đất nông nghiệp của cụ Trịnh Thị Thu là 479,5m² đất tại xứ đồng Khổ Gò, thuộc xã TT, huyện PT. Đối với 39m² đất nông nghiệp là tiêu chuẩn của cụ Thu tại xứ đồng Vòng Tứ các đương sự không yêu cầu chia. Xét yêu cầu này của các đương sự là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, sau khi trừ 39m² đất tại xứ đồng Vòng Tứ thì diện tích đất của cụ Thu còn lại $479,5\text{m}^2 - 39\text{m}^2 = 440,5\text{m}^2$ tại xứ đồng Khổ Gò, thuộc xã TT, huyện PT.

Do cụ Nguyễn Tiến Đ không được chia đất nông nghiệp và cụ Đ chết trước cụ Thu nên xác định di sản thừa kế đất nông nghiệp của cụ Trịnh Thị Thu là 440,5m² nằm trong tổng diện tích 3.229.3m² của hộ gia đình bà Dương Thị L tại thửa số 40, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT.

Ngày 15/10/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tại sản tại thửa đất số 40 sơ đồ SD 06 tại xứ đồng Khổ Gò thuộc xã TT, huyện PT. Tuy nhiên, bà Dương Thị L không hợp tác nên không tiến hành thẩm định

được. Qua quan sát bên ngoài thửa đất đang tranh chấp được vây quanh bằng hàng rào lưới B40 có khóa cổng. Trên đất trồng nhiều cây bưởi, cây mít nhưng không kiểm đếm được số lượng cây và từng loại cây. Chỉ xác định được thửa đất có vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp đường; Phía Đông giáp thửa đất của ông Cường; Phía Tây giáp thửa đất của ông Mạnh.

Hội đồng định giá đất nông nghiệp theo giá nhà nước tại địa bàn huyện PT là $135.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 440,5\text{m}^2 = 59.467.500\text{đ}$ (*Năm chín triệu bốn trăm sáu bảy nghìn năm trăm đồng*). Như vậy, di sản của cụ Trịnh Thị Thu là $440,5\text{m}^2$ đất tại thửa số 40, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT có trị giá là 59.467.500đ.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trịnh Thị Thu là năm 2012. Cụ Thu không để lại di chúc nên di sản của cụ được chia theo pháp luật.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thu gồm: Ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H), ông Nguyễn Tiến S, ông Nguyễn Tiến V bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị H1.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà T bà X bà H1 không nhận phần thừa kế mà các bà được hưởng và đề nghị chia cho 5 người con trai. Nên di sản của cụ Trịnh Thị Thu được chia cho 5 người con của cụ là ông Th, ông H5 ông H, ông V, ông S. Ông H5 chết năm 2009 nên các con của ông H5 là hàng thừa kế thế vị gồm: Chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Tiến H4 được hưởng thừa kế của cụ Trịnh Thị Thu.

Quá trình cụ Thu còn sống, các đương sự đều xác nhận bà L là người có công chăm sóc cụ Thu nên trích cho bà L được hưởng công sức là $40,5\text{m}^2 = 5.468.000\text{đ}$. Phần còn lại 400m^2 đất : 5 người = 80m^2 đất/người.

Các thừa kế trong vụ án đều có nguyện vọng hưởng thừa kế bằng hiện vật. Xét nguyện vọng của các đương sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia cho các thừa kế của cụ Thu theo pháp luật và được chia bằng hiện vật mỗi người được 80m^2 tại xứ đồng Khổ Gò.

Thanh toán công sức cho bà Dương Thị L bằng $40,5\text{m}^2$ đất tại xứ đồng Khổ Gò.

Trên đất chia cho ông Th, ông H, ông V, ông S và các thừa kế thế vị của ông H5 có một số cây do bà Dương Thị L trồng. Do bà L cản trở nên không thăm định, định giá được số cây trên đất. Vì vậy, bà L phải có trách nhiệm tự di dời số cây trồng trên đất.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H) và bà Dương Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Tiến V, Nguyễn Tiến S, anh Nguyễn Tiến H4, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 612, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26, Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp của cụ Trịnh Thị Thu.

2. Xác định cụ Trịnh Thị Thu chết ngày 23/4/2012 không để lại di chúc; Thời điểm mở thừa kế của cụ Trịnh Thị Thu là ngày 23/4/2012.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Thu để lại là 440,5m² đất nằm trong tổng diện tích 3.229.3m² của hộ gia đình bà Dương Thị L tại thửa số 40, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, có trị giá thành tiền là 59.467.500đ (*Năm mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trịnh Thị Thu gồm: Ông Nguyễn Tiến H5, ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H), ông Nguyễn Tiến V, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Tiến S. Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Tiến H5 gồm: Chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Tiến H4.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị X không nhận thừa kế tài sản.

Trích công sức cho bà Dương Thị L bằng $40,5\text{m}^2 \text{ đất} \times 135.000\text{đ}/\text{m}^2 = 5.468.000\text{đ}$ (Năm triệu bốn trăm sáu tám nghìn đồng). Di sản còn lại 400m^2 đất nông nghiệp bằng $54.00.000\text{đ}$. (Năm mươi tư triệu đồng).

5. Chia thừa kế theo pháp luật diện tích 400m^2 đất của cụ Trịnh Thị Thu cho 5 kỷ phần = $80\text{m}^2/1\text{kỷ phần}$. Ông Th, ông H, ông V, ông S và thừa kế thế vị của ông H5, mỗi người được hưởng một kỷ phần là $80\text{m}^2 \text{ đất} \times 135.000\text{đ}/\text{m}^2 = 10.800.000\text{đ}$ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

Phần chia bằng hiện vật như sau:

+ Giao cho ông Nguyễn Tiến Th diện tích 80m^2 đất tại thửa số 40-6, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, được giới hạn bởi các điểm 8.9.10.11.8.

+ Giao cho ông Nguyễn Tiến S diện tích 80m^2 đất tại thửa số 40-5, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, được giới hạn bởi các điểm 7.8.11.12.7.

+ Giao cho ông Nguyễn Tiến H (Nguyễn Thế H) diện tích 80m^2 đất tại thửa số 40-4, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, được giới hạn bởi các điểm 6.7.12.13.6.

+ Giao cho ông Nguyễn Tiến V diện tích 80m^2 đất tại thửa số 40-3, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, được giới hạn bởi các điểm 5.6.13.14.5.

+ Giao cho anh Nguyễn Tiến H4, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 diện tích 80m^2 đất tại thửa số 40-2, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, được giới hạn bởi các điểm 4.5.14.15.4.

+ Giao cho bà Dương Thị L diện tích $40,5\text{m}^2$ đất tại thửa số 40-5, sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, được giới hạn bởi các điểm 2.3.4.15.2 .

Thửa 40-7 diện tích $2788,8\text{m}^2$ sơ đồ SD06 tại xứ đồng Khổ Gò, xã TT, huyện PT, đứng tên bà Dương Thị L, được giới hạn bởi các điểm 1.2.15.14.13.12.11.10.16.1.

Về ranh giới phân chia đất do đương sự chỉ dẫn tại thửa đất được chia (có sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Dương Thị L phải tự di dời cây cối trên phần đất đã chia thừa kế cho ông Th, ông H, ông S, ông V và những người thừa kế thế vị của ông H5.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H (Nguyễn Tiến H), bà Dương Thị L.

Ông Nguyễn Tiến V, ông Nguyễn Tiến S, mỗi người phải chịu 540.000đ (*Năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Tiến H4, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3 phải chịu 540.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Quyền kháng cáo của các đương sự có mặt trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người pHI thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện PT;*
- *CCTHADS huyện PT;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan